

Số: 23/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 32**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm kế hoạch đầu tư công trung hạn và năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia)

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia là 11,623 tỷ đồng. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia sau điều chỉnh là 1.128,905 tỷ đồng, trong đó:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác tại Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 6,1 tỷ đồng. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác nguồn vốn ngân sách tỉnh sau điều chỉnh là 1.208,9 tỷ đồng.

b) Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh là

1,975 tỷ đồng (phần vốn đối ứng ngân sách tỉnh chưa phân khai). Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn ngân sách tỉnh sau điều chỉnh là 54,132 tỷ đồng.

c) Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 3,548 tỷ đồng. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nguồn vốn ngân sách tỉnh sau điều chỉnh là 107,073 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục tổng hợp, Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết).

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh đầu mỗi giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm của các nhiệm vụ, dự án *(Chi tiết tại các Phụ lục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 và 1.5 kèm theo Nghị quyết).*

b) Điều chỉnh, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án *(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

2. Các nội dung khác tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 48/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2024 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững); số 20/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2024 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2024 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (nguồn vốn: ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh); số 74/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc điều

chính kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác (nguồn vốn: ngân sách tỉnh) không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục tổng hợp
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Điều chỉnh (Tăng/Giảm)		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	21,144,593	-308,452	308,452	21,144,593	
I	Vốn XDCB tập trung của tỉnh	10,104,826	-233,452	233,452	10,104,826	
*	Dự phòng chung trung hạn	926,000			926,000	
**	Phân khai kế hoạch trung hạn	9,178,826	-233,452	233,452	9,178,826	
I.1	Phân cấp các địa phương	1,840,000			1,840,000	
I.2	Bố trí cho các nhiệm vụ của tỉnh	7,338,826	-233,452	233,452	7,338,826	
1	Hoàn trả tạm ứng, ứng trước và trả nợ gốc	207,462	-15,052		192,410	
2	Đối ứng ODA (bao gồm các dự án mới phát sinh)	91,744			91,744	
3	Bố trí quyết toán dự án hoàn thành	200,000	-31,537		168,463	
4	Vốn đối ứng của tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình khác	1,140,528	-11,623	-	1,128,905	
-	Đối ứng Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (bao gồm bố trí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; Cấp nước sạch nông thôn; Giao thông nông thôn)	973,800	-6,100		967,700	
-	Đối ứng Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	56,107	-1,975		54,132	

-	<i>Đổi ứng Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	110,621	-3,548		107,073	
5	Chuẩn bị đầu tư	25,000			25,000	
6	Vốn thực hiện chính sách thu hút đầu tư hoặc tham gia dự án theo phương thức đối tác công tư (nếu có)	5,000	-5,000		-	
7	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi	35,000			35,000	
8	Đổi ứng các dự án sử dụng vốn NSTW	1,189,600	-129,840	-	1,059,760	
-	<i>Đổi ứng kế hoạch trung hạn NSTW của tỉnh</i>	991,200	-109,840		881,360	
-	<i>Đổi ứng vốn của Bộ Ngành trung ương</i>	176,000	-20,000		156,000	
-	<i>Đổi ứng Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH</i>	22,400			22,400	
9	Bố trí chuyển tiếp các dự án từ giai đoạn 2016-2020	943,304	-5,400		937,904	
10	Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025	3,501,188	-35,000	233,452	3,699,640	
-	<i>Vốn đã phân bổ cho các dự án</i>	3,466,188		233,452	3,699,640	Chi tiết tại PL2
-	<i>Vốn chưa phân bổ (chờ giao chính thức khi dự án đủ điều kiện)</i>	35,000	-35,000		-	Giao đợt này
II	Xổ số kiến thiết	520,100	-	-	520,100	
II.1	Bố trí Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (bao gồm bố trí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; Cấp nước sạch nông thôn; Giao thông nông thôn)	241,200			241,200	
II.2	Bố trí thực hiện các dự án lĩnh vực y tế, giáo dục	278,900			278,900	
1	Bố trí chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	45,196			45,196	
2	Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025	233,704			233,704	
III	Nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	254,631			254,631	
III.1	Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025	254,331			254,331	
III.2	Vốn chuẩn bị đầu tư	300			300	
IV	Nguồn thu tiền sử dụng đất	9,773,335	-75,000	75,000	9,773,335	
IV.1	Giao các địa phương thu chi	3,205,581			3,205,581	
IV.2	Các nhiệm vụ, dự án tỉnh quản lý	6,567,755	-75,000	75,000	6,567,755	

1	Bù hụt thu ngân sách năm 2020	751,964			751,964	
2	Bố trí chuẩn bị đầu tư	9,589			9,589	
3	Bố trí thực hiện dự án	5,806,202	-75,000	75,000	5,806,202	
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	1,649,612		5,000	1,654,612	Chi tiết tại PL2
-	Dự án KCM giai đoạn 2021 - 2025	4,156,590	-75,000	70,000	4,156,590	
+	Đối ứng vốn NSTW	961,000	-5,000		961,000	
+	Vốn đã phân bổ các dự án	3,125,590		70,000	3,195,590	Chi tiết tại PL2
+	Vốn chưa phân bổ (chờ giao chính thức khi dự án đủ điều kiện)	70,000	-70,000		-	Giao đợt này
V	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	491,700			491,700	

Phụ lục 1.1

NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐẦU MỐI GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ HẰNG NĂM

Đơn vị: Sở Tài chính

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

[illegible]

Ghi chú: Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi (trên cơ sở hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính)

Phụ lục 1.2

NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐẦU MỐI GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ HẰNG NĂM

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (ngân sách tỉnh)	Lũy kế vốn NST bố trí từ năm 2021-2024	Kế hoạch vốn năm 2025 (NST)	Điều chỉnh Đầu mối giao kế hoạch		Ghi chú
		Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư						Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
	TỔNG SỐ		1,309,629	216,321	386,555	137,360	124,860	12,500			
I	Dự án đối ứng vốn ODA		652,629	94,321	386,555	32,060	32,060	-			
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	1236/QĐ-BTNMT, 30/5/2016; 2198/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND tỉnh	112,918	19,268		11,426	11,426		Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đang quyết toán

2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) Quảng Ngãi	4638/QĐ-BNN-HTQT, 09/11/2015; 546/QĐ-UBND, 04/4/2016; 912/QĐ-UBND, 11/6/2018; 1117/QĐ-UBND, 05/8/2020; 354/QĐ-UBND, 19/03/2019; 160/QĐ-UBND ngày 07/02/2023	337,725	50,208	188,556	19,134	19,134		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đang quyết toán
3	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA 2)	1417/QĐ-UBND ngày 26/9/2012; 1658/QĐ-UBND ngày 6/9/2017; 317/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	201,986	24,845	197,999	1,500	1,500		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã quyết toán

4	Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KFW9) giai đoạn 1 tỉnh Quảng Ngãi	1398/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	114,750	24,300					Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Theo văn bản của Bộ Tài chính (1611/BTC-QLN ngày 21/02/2023) không thể huy động nguồn vốn vay và viện trợ của Chính phủ Đức để thực hiện dự án
II	Dự án đối ứng vốn ngân sách trung ương		625,000	90,000	-	75,300	62,800	12,500			
5	Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa	3386/QĐ-BNN-KH ngày 27/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	460,000	60,000		60,000	47,500	12,500	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long	673/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh	30,000	10,000		7,000	7,000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

7	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hồ Chuối)	20/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh	70,000	5,000		1,500	1,500		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước huyện Sơn Tịnh (Hồ Vàng, Hồ Đèo, Đá Chồng)	21/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh	65,000	15,000		6,800	6,800		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
III	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025		32,000	32,000	-	30,000	30,000	-			
9	Dự án đầu tư nâng cấp, sửa chữa hoàn thiện hạ tầng các cảng cá, cảng neo trú tàu thuyền	954/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh	32,000	32,000		30,000	30,000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

Ghi chú: Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi (trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường)

Phụ lục 1.3
NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐẦU MỐI GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ HÀNG NĂM
Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (ngân sách tỉnh)	Lũy kế vốn bố trí từ năm 2021-2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Điều chỉnh Đầu mối giao kế hoạch		Ghi chú
		Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư						Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
	TỔNG SỐ		44,952	44,952	-	40,000	38,900	-			
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		44,952	44,952	-	40,000	38,900	-			
1	Dự án chuyển đổi số hoạt động cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	68/NQ-HĐND ngày 08/9/2021 của HĐND tỉnh	44,952	44,952		40,000	38,900		Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ	

Ghi chú: Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi (trên cơ sở hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ).

Phụ lục 1.4

NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐẦU MỐI GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ HÀNG NĂM

Đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (ngân sách tỉnh)	Lũy kế vốn bố trí từ năm 2021-2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Điều chỉnh Đầu mối giao kế hoạch		Ghi chú
		Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư						Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
	TỔNG SỐ		44,900	44,900	-	40,000	13,700	26,300			
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		44,900	44,900	-	40,000	13,700	26,300			
1	Xây dựng Hệ thống Đài truyền thanh cơ sở Ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông	70/NQ-HĐND ngày 08/9/2021 của HĐND tỉnh	44,900	44,900		40,000	13,700	26,300	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

Ghi chú: Thực hiện Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự, quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản từ Sở Thông tin và Truyền thông sang Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi.

Phụ lục 1.5

NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐẦU MỐI GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ HẰNG NĂM

Đơn vị: Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (ngân sách tỉnh)	Lũy kế vốn bố trí từ năm 2021-2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Điều chỉnh Đầu mối giao kế hoạch		Ghi chú
		Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư						Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
	TỔNG SỐ		934,661	934,661	226,864	389,900	248,010	58,000			
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang		681,661	681,661	226,864	389,900	247,900	58,000			
1	Khu dân cư Yên Phú	832/QĐ-UBND, 10/6/2011 của UBND tỉnh	123,873	123,873	71,167	10,000	1,000	3,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	
2	Khu Tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	312/QĐ-UBND, 29/02/2016 của UBND tỉnh	101,957	101,957	74,112	10,900	10,900		Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	

3	Khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	1416/QĐ-UBND 01/8/2017 của UBND tỉnh	40,000	40,000	14,585	24,000	19,000	5,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	
4	Khu dân cư phía Bắc Đường Huỳnh Thúc Kháng	1652/QĐ-UBND 01/9/2017 của UBND tỉnh	230,000	230,000	32,000	195,000	160,000	30,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	
5	Kè và Khu dân cư nam sông Vệ	1973/QĐ-UBND, 29/9/2017 của UBND tỉnh	185,831	185,831	35,000	150,000	57,000	20,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	
II	Dự án chuẩn bị đầu tư		253,000	253,000	-	-	110	-			
6	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị trục đường Mỹ Trà - Mỹ Khê	10/NQ-HĐND 22/6/2023 của HĐND tỉnh	253,000	253,000			110		Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	Chi chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2021-2025

Ghi chú: Trên cơ sở Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của UBND tỉnh về việc Thành lập Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh sau sắp xếp tại Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của UBND tỉnh.

Phụ lục 2

ĐIỀU CHỈNH, GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định chủ trương/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Vốn bổ sung ngoài kế hoạch trung hạn ^(*)	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 đã giao				Điều chỉnh trung hạn (Tăng/Giảm)				Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng cộng	Trong đó:			XDCB tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất		Tổng cộng	Trong đó:			
				Ngân sách tỉnh				XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng		XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG SỐ		7,292,403	4,509,774	164,547	35,576	3,732,293	2,942,572	48,131	741,590	-403,887	403,887	-157,000	157,000	3,732,293	2,942,572	48,131	741,590	
I	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn đã giao cho các dự án		6,762,403	3,979,774	164,547	35,576	1,898,302	1,178,582	48,131	671,590	-285,675	403,887	-87,000	52,000	1,981,515	1,296,794	48,131	636,590	

I.1	Ban ngành của tỉnh		5,626,403	3,250,774	164,547	25,576	1,752,600	1,123,500	12,100	617,000	-262,606	190,000	-71,000	20,000	1,628,994	1,050,894	12,100	566,000	
(1)	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh		2,861,978	1,036,349	104,670	20,000	703,000	576,000	-	127,000	-107,531	-	-19,000	-	576,469	468,469	-	108,000	
(2)	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi		679,273	379,273	53,577	-	201,200	76,200	-	125,000	-38,100	-	-52,000	5,000	116,100	38,100	-	78,000	
(3)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp		1,842,200	1,592,200	6,300	5,576	681,500	304,400	12,100	365,000	-58,400	190,000	-	-	813,100	436,000	12,100	365,000	
(4)	Sở Nội vụ		45,000	45,000	-	-	35,000	35,000	-	-	-27,500	-	-	5,000	12,500	7,500	-	5,000	
(5)	Sở Khoa học và Công nghệ		44,952	44,952	-	-	40,000	40,000	-	-	-1,100	-	-	-	38,900	38,900	-	-	
(6)	Bộ Chỉ huy Quản sự tỉnh		128,000	128,000	-	-	81,900	81,900	-	-	-19,975	-	-	-	61,925	61,925	-	-	

(7)	Đài Phát thanh - Truyền Hình		25,000	25,000	-	-	10,000	10,000	-	-	-10,000	-	-	10,000	10,000	-	-	10,000	
I.2	UBND các huyện, thị xã, thành phố (hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các địa phương thực hiện)		1,136,000	729,000	-	10,000	145,702	55,082	36,031	54,590	-23,069	213,887	-16,000	32,000	352,521	245,900	36,031	70,590	
(1)	UBND huyện Bình Sơn		46,000	34,000	-	-	34,000	15,000	-	19,000	-8,000	-	-16,000	-	10,000	7,000	-	3,000	
(2)	UBND thành phố Quảng Ngãi		1,050,000	675,000	-	10,000	96,702	25,082	36,031	35,590	-69	213,887	-	17,000	327,521	238,900	36,031	52,590	
(3)	UBND huyện Mộ Đức		40,000	20,000	-	-	15,000	15,000	-	-	-15,000	-	-	15,000	15,000	-	-	15,000	

II	Vốn đối ứng của tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình khác					-	1,140,528	1,140,528	-	-	-11,623	-	-	-	1,128,905	1,128,905	-	-	
III	Bố trí quyết toán dự án hoàn thành						200,000	200,000			-31,537				168,463	168,463	-	-	
IV	Hoàn trả tạm ứng, ứng trước và trả nợ gốc						207,462	207,462	-	-	-15,052				192,410	192,410	-	-	
1	Bố trí trả nợ gốc						39,880	39,880			-15,052				24,828	24,828	-	-	Năm 2025 đã bố trí từ nguồn chỉ ĐTPT khác

V	Vốn thực hiện chính sách thu hút đầu tư hoặc tham gia dự án theo phương thức đối tác công tư (nếu có)						5,000	5,000			-5,000				-	-	-	-	
VI	Đối ứng vốn NSTW (Vốn của bộ ngành trung ương)						176,000	176,000			-20,000				156,000	156,000	-	-	Dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Ngãi - giai đoạn 2 chưa được TW triển khai

VI I	Vốn chưa phân bổ (chờ giao chính thức khi dự án đủ điều kiện)						105,000	35,000		70,000	-35,000		-70,000		-	-	-	-	Điều chỉnh, phân bổ cho các dự án đủ điều kiện đợt này
VI II	Giao kế hoạch trung hạn cho dự án đủ điều kiện		530,000	530,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	105,000	105,000	-	-	105,000	
VI II. 1	Ban ngành của tỉnh		130,000	130,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,000	5,000	-	-	5,000	
(I)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp		130,000	130,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,000	5,000	-	-	5,000	

VI I.2	UBND các huyện, thị xã, thành phố (hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các địa phương thực hiện)		400,000	400,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,000	100,000	-	-	100,000	
(1)	UBND thành phố Quảng Ngãi		400,000	400,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,000	100,000	-	-	100,000	

Ghi chú: (*) Được giao tại các Quyết định của UBND tỉnh, gồm: Số 120/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 về xử lý các nguồn còn tại ngân sách tỉnh năm 2021; số 376/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 về phân khai chi tiết nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách cấp tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022 (bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023).